

Bản án số: 57/2022/HS-ST

Ngày: 27-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Liễu và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Hoàng Văn M – sinh năm 1996, tại Thanh Hóa (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn X.H, xã T.S, thị xã N.S, tỉnh Thanh Hóa; Nơi sinh sống: Ấp N.Lx, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn S – sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị H – sinh năm 1969; Có vợ là Lê Thị H – sinh năm 1998; Có 01 (Một) con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Hiện đang tại ngoại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Có mặt anh Hòa, còn lại vắng mặt)

1/ Anh **Nguyễn Thái Đ** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ x, Ấp N.Ly, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Đào Khắc Đ** – sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp Ngọc Lâm z, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

3/ Chị **Nguyễn Thị Kim H** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ a, Khu b, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

4/ Anh **Nguyễn Triệu C** – sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp N.Ly, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

5/ Anh **Thân Bình Th** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ a, Khu b, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

6/ Anh **Trần Hải Tr** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ a, Khu b, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

7/ Anh **Trần Tấn T2** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp N.L, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

8/ Anh **Trần Văn Q** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp k, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

9/ Anh **Dương Thanh H** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu m, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

10/ Anh **Nguyễn Văn T3** – sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu o, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

11/ Chị **Bùi Thị V** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ x, Khu y, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

12/ Anh **Ngô Mạnh Hòa** – sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp z, xã P.H, huyện Đ.Q, tỉnh Đồng Nai.

13/ Anh **Tô Tiểu T4** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu e, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

14/ Anh **Trần Phi P** – sinh năm 1997

Hộ khẩu thường trú: Khu phố u, thị trấn P.T, huyện K.P, tỉnh Gia Lai.

Nơi sinh sống: Khu q, thị trấn T.P, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

15/ Anh **Phạm Thái H1** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T.L, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

16/ Chị **Đoàn Thị Hồng N** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ i, Ấp T.L, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

17/ Chị **Trần Thị Minh H2** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ k, Ấp P.L l, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* (Vắng mặt)

1/ Ông **Phan Ngọc H3** – sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp Ngọc Lâm 1, xã P.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Phạm Ngọc H4** – sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Bàu Chim, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

3/ Chị **Danh Thị Diệu H5** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn x, xã M.Đ, huyện Đ.T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2020, Hoàng Văn M đến thuê nhà tại Ấp N.Lx, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai mở cửa tiệm cầm đồ tên “Minh 36” để thực hiện việc cầm cố tài sản và cho vay tiền với lãi suất cao. Cách thức cho vay của M là

khi có người vay tiền thì sẽ cho vay trả góp theo ngày, M thu tiền lãi 10 ngày một lần. M có các hình thức cho vay là cho vay tiền mặt và cầm cố tài sản. Đối với hình thức cho vay tiền mặt không cầm cố tài sản thì tiền lãi là từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đối với hình thức cầm cố tài sản thì M làm hợp đồng mua bán tài sản sau đó làm hợp đồng thuê tài sản, thực chất là tài sản vẫn do người đến vay tiền quản lý. Đối với người vay tiền ở hình thức cầm cố rồi cho thuê tài sản thì tiền lãi là từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tương ứng với các hình thức cho vay như trên, lãi suất thực tế mà M thu từ mỗi người vay tiền từ 0,3%/01 ngày đến 01%/01 ngày. Tính đến thời điểm bị phát hiện ngày 12/6/2021, Hoàng Văn M thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao của những người sau:

1. Nguyễn Thái Đ vay 10.000.000 đồng, đã trả lãi 4.200.000 đồng trong thời gian 105 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Mức lãi suất hợp pháp trong giao dịch dân sự giữa cá nhân với nhau theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/ năm (tương ứng là 0,055%/ ngày). Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 105 ngày là $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 105 \text{ ngày} = 577.500 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $4.200.000 \text{ đồng} - 577.500 \text{ đồng} = 3.622.500 \text{ đồng}$.

2. Đào Khắc Đ vay 7.000.000 đồng, đã trả lãi 1.400.000 đồng trong thời gian 50 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 50 ngày là: $7.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 50 \text{ ngày} = 192.500 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.400.000 \text{ đồng} - 192.500 \text{ đồng} = 1.207.500 \text{ đồng}$.

3. Nguyễn Thị Kim H vay 5.000.000 đồng, đã trả lãi 2.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày với lãi suất 1%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $1\% : 0,055\% = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 40 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 40 \text{ ngày} = 110.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} - 110.000 \text{ đồng} = 1.890.000 \text{ đồng}$.

4. Nguyễn Triệu C vay 5.000.000 đồng, đã trả lãi 800.000 đồng trong thời gian 40 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 40 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 40 \text{ ngày} = 110.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $800.000 \text{ đồng} - 110.000 \text{ đồng} = 690.000 \text{ đồng}$.

5. Thân Bình Th vay 10.000.000 đồng, đã trả lãi 2.800.000 đồng trong thời gian 70 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 70 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 70 \text{ ngày} = 385.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.800.000 \text{ đồng} - 385.000 \text{ đồng} = 2.415.000 \text{ đồng}$.

6. Trần Hải Tr vay 8.000.000 đồng, đã trả lãi 1.440.000 đồng trong thời gian 60 ngày với lãi suất 0,3%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,3\% : 0,055\% = 5,45$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 60 ngày là: $8.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 60 \text{ ngày} = 264.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.440.000 \text{ đồng} - 264.000 \text{ đồng} = 1.176.000 \text{ đồng}$.

7. Trần Tấn T2 vay 12.000.000 đồng, đã trả lãi 2.800.000 đồng trong thời gian 60 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 60 ngày là: $12.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 60 \text{ ngày} = 396.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.800.000 \text{ đồng} - 396.000 \text{ đồng} = 2.484.000 \text{ đồng}$.

8. Trần Văn Q vay 7.000.000 đồng, đã trả lãi 840.000 đồng trong thời gian 30 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 30 ngày là: $7.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 30 \text{ ngày} = 115.500 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $840.000 \text{ đồng} - 115.500 \text{ đồng} = 724.500 \text{ đồng}$.

9. Dương Thanh H vay 5.000.000 đồng, đã trả lãi 1.200.000 đồng trong thời gian 60 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 60 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 60 \text{ ngày} = 165.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.200.000 \text{ đồng} - 165.000 \text{ đồng} = 1.035.000 \text{ đồng}$.

10. Nguyễn Văn T3 vay 10.000.000 đồng, đã trả lãi 3.200.000 đồng trong thời gian 80 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 80 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 80 \text{ ngày} = 440.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $3.200.000 \text{ đồng} - 440.000 \text{ đồng} = 2.760.000 \text{ đồng}$.

11. Bùi Thị V vay 5.000.000 đồng, đã trả lãi 800.000 đồng trong thời gian 40 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 40 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 40 \text{ ngày} = 110.000 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $800.000 \text{ đồng} - 110.000 \text{ đồng} = 690.000 \text{ đồng}$.

12. Ngô Mạnh Hòa vay 15.000.000 đồng, đã trả lãi 1.800.000 đồng trong thời gian 22 ngày với lãi suất 0,55%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,55\% : 0,055\% = 9,92$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 22 ngày là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 22 \text{ ngày} = 181.500 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.800.000 \text{ đồng} - 181.500 \text{ đồng} = 1.618.500 \text{ đồng}$.

13. Tô Tiểu T4 vay 15.000.000 đồng, đã trả lãi 600.000 đồng trong thời gian 10 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp $0,4\% : 0,055\% = 7,27$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 10 ngày là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 10 \text{ ngày} = 82.500 \text{ đồng}$. M đã thu lợi bất chính số tiền là: $600.000 \text{ đồng} - 82.500 \text{ đồng} = 517.500 \text{ đồng}$.

14. Trần Phi P vay 5.000.000 đồng, đã trả lãi 3.000.000 đồng trong thời gian 60 ngày với lãi suất 1%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp 1% : 0,055% = 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 60 ngày là: 5.000.000 đồng x 0,055% x 60 ngày = 165.000 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.000.000 đồng – 165.000 đồng = 2.835.000 đồng.

15. Phạm Thái H1 vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vay 7.000.000 đồng, đã trả lãi 1.600.000 đồng trong thời gian 23 ngày với lãi suất 0,99%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp 0,99% : 0,055% = 18,07 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 23 ngày là: 7.000.000 đồng x 0,055% x 23 ngày = 88.550 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.600.000 đồng – 88.550 đồng = 1.511.450 đồng.

Lần thứ hai sau khi kết thúc lần vay thứ nhất thì Huân không trả gốc mà tiếp tục vay thêm 3.000.000 đồng. Số tiền gốc cho vay là 10.000.000 đồng, đã trả lãi 4.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày với lãi suất 1%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp 1% : 0,055% = 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 40 ngày là: 10.000.000 đồng x 0,055% x 40 ngày = 220.000 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là: 4.000.000 đồng – 220.000 đồng = 3.780.000 đồng.

Như vậy, từ việc cho Phạm Thái H1 vay tiền với số tiền gốc là 10.000.000 đồng thì Hoàng Văn M đã thu lợi bất chính với số tiền 5.291.450 đồng.

16. Đoàn Thị Hồng N vay 15.000.000 đồng, đã trả lãi 3.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp 0,4% : 0,055% = 7,27 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 50 ngày là: 15.000.000 đồng x 0,055% x 50 ngày = 412.500 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.000.000 đồng – 412.500 đồng = 2.587.500 đồng.

17. Trần Thị Minh H2 vay 7.000.000 đồng, đã trả lãi 1.400.000 đồng trong thời gian 50 ngày với lãi suất 0,4%/01 ngày, chưa trả tiền gốc. Như vậy, mức lãi suất thực tế gấp 0,4% : 0,055% = 7,27 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 50 ngày là: 7.000.000 đồng x 0,055% x 50 ngày = 192.500 đồng. M đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.400.000 đồng – 192.500 đồng = 1.207.500 đồng.

Như vậy, với việc cho 17 người vay tiền nêu trên, Hoàng Văn M đã có hành vi sử dụng số tiền gốc là 151.000.000 đồng cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 5,45 đến 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 32.751.950 đồng.

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 12/6/2021, Công an huyện Tân Phú kiểm tra hành chính và bắt quả tang tại địa điểm M thuê nhà mở tiệm cầm đồ tên “M 36” có lưu giữ giấy tờ về việc cầm cố tài sản và cho vay tiền với lãi suất cao của những người vay tiền. Quá trình điều tra, Hoàng Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Cáo trạng số 40/CT-VKSTP-ĐN ngày 16/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Hoàng Văn M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các tình tiết giảm nhẹ là điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn M mức án từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 32.751.950 đồng thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên đề nghị tuyên buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền 4.208.050 đồng bị cáo đã thu được của người vay là khoản lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên đề nghị buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 151.000.000 đồng người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho bị cáo là phương tiện phạm tội, nên đề nghị buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 CPU máy tính là công cụ phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 23 hợp đồng cho vay cầm cố tài sản, hợp đồng mua bán xe, hợp đồng cho thuê xe máy – tự lái của những người vay tiền là công cụ, phương tiện phạm tội, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội được chuyển cùng hồ sơ vụ án thì đề nghị lưu hồ sơ vụ án. Đối với 01 xe mô tô biển số 51F5-8711, 01 xe đạp điện không xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Những đồ vật, tài sản, tài liệu khác không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu, không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị. Bị cáo thừa nhận, đồng ý nộp sung công quỹ Nhà nước và đồng ý trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với số tiền như Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, các sổ sách, tờ rơi và hồ sơ của những người vay tiền... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Từ tháng 11 năm 2020 đến ngày 12/6/2021, Ấp N.Lx, xã P.X, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai, Hoàng Văn M đã có hành vi cho vay trong giao dịch dân sự số tiền gốc 151.000.000 đồng với lãi suất gấp từ 5,45 đến 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền là 32.751.950 đồng.

Hành vi cho vay trong giao dịch dân sự theo mức lãi suất như trên của Hoàng Văn M là hành vi đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra còn xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hiện đang nuôi con nhỏ. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, còn trẻ có sức khỏe nhưng không có nghề nghiệp, lười lao động mà lại mong muốn có tiền tiêu xài, sử dụng nên đã thực hiện hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 5,45 đến 18,18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, là hành vi dùng tiền để kinh doanh bất hợp pháp, với lỗi cố ý. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay tiền phải chịu lãi suất thật cao để thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước cũng thỏa đáng, đủ tác dụng răn đe, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không có thu nhập ổn định, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính bằng hình thức phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

- Đối với 01 cây CPU máy tính đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 23 hợp đồng cho vay cầm cố tài sản, hợp đồng mua bán xe, hợp đồng cho thuê xe máy – tự lái của những người vay tiền là công cụ, phương tiện phạm tội, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội được chuyển cùng hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử xem xét lưu hồ sơ vụ án. Đối với 01 xe mô tô biển số 51F5-8711, 01 xe đạp điện không xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Những đồ vật, tài sản, tài liệu khác không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 32.751.950 đồng thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền 4.208.050 đồng bị cáo đã thu được của người vay là khoản lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 151.000.000 đồng người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho bị cáo là phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử xem xét buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Cụ thể như sau:

[7.1] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Nguyễn Thái Đ vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Đ số tiền 3.622.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 577.500 đồng. Anh Đ phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng.

[7.2] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Đào Khắc Đ vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Đ số tiền 1.207.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 192.500 đồng. Anh Đ phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng.

[7.3] Đối với trường hợp bị cáo cho chị Nguyễn Thị Kim H vay tiền:

Bị cáo phải trả cho chị H số tiền 1.890.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 110.000 đồng. Chị H phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

[7.4] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Nguyễn Triệu C vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh C số tiền 690.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 110.000 đồng. Anh C phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

[7.5] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Thân Bình Th vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Th số tiền 2.415.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 385.000 đồng. Anh Th phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

[7.6] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Trần Hải Tr vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Tr số tiền 1.176.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 264.000 đồng. Anh Tr phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng.

[7.7] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Trần Tấn T2 vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh T2 số tiền 2.484.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 396.000 đồng. Anh T2 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.000.000 đồng.

[7.8] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Trần Văn Q vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Q số tiền 724.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 115.500 đồng. Anh Q phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng.

[7.9] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Dương Thanh H vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh H số tiền 1.035.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 165.000 đồng. Anh H phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

[7.10] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Nguyễn Văn T3 vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh T3 số tiền 2.760.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 440.000 đồng. Anh T3 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

[7.11] Đối với trường hợp bị cáo cho chị Bùi Thị V vay tiền:

Bị cáo phải trả cho chị V số tiền 690.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 110.000 đồng. Chị V phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

[7.12] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Ngô Mạnh Hòa vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh Hòa số tiền 1.618.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 181.500 đồng. Anh Hòa phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng.

[7.13] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Tô Tiểu T4 vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh T3 số tiền 517.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 82.500 đồng. Anh T3 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng.

[7.14] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Trần Phi P vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh P số tiền 2.835.000 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 165.000 đồng. Anh P phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

[7.15] Đối với trường hợp bị cáo cho anh Phạm Thái H1 vay tiền:

Bị cáo phải trả cho anh H1 số tiền 5.291.450 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 88.550 đồng + 220.000 đồng = 308.550 đồng. Anh H1 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

[7.16] Đối với trường hợp bị cáo cho chị Đoàn Thị Hồng N vay tiền:

Bị cáo phải trả cho chị N số tiền 2.587.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 412.500 đồng. Chị N phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng.

[7.17] Đối với trường hợp bị cáo cho chị Trần Thị Minh H2 vay tiền:

Bị cáo phải trả cho chị H2 số tiền 1.207.500 đồng. Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 192.500 đồng. Chị H2 phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng.

[7.18] Tổng số tiền bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 4.208.050 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính tổng số tiền 32.751.950 đồng. Tổng số tiền người vay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo, phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 151.000.000 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra xác định được, Hoàng Văn M cho Nguyễn Triệu C vay 3.000.000 đồng với lãi suất 0,23%/01 ngày, chênh lệch lãi suất với lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 4,13 lần; cho Trần Phi P vay 15.000.000 đồng với lãi suất 0,17%/01 ngày, chênh lệch lãi suất với lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3,15 lần; cho Phan Ngọc H3 vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,2%/01 ngày, chênh lệch lãi suất với lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3,63 lần; cho Phạm Ngọc H4 vay 70.000.000 đồng nhưng không tính lãi; cho Danh Thị Diệu H5 vay 5.000.000 đồng nhưng chưa đóng tiền lãi nên không có cơ sở tính lãi suất cho vay. Những hành vi này không cấu thành tội phạm nên không xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Hoàng Văn M còn cho một số người cho vay tiền nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể để tiến hành làm việc nên chưa đủ cơ sở để xác định về số tiền gốc, tiền lãi, lãi suất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.638.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; Điều 35; khoản 1 Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 407; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn M phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

II. Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 cây CPU máy tính đã qua sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

2. Lưu vào hồ sơ vụ án đối với vật chứng gồm có: 23 (Hai mươi ba) hợp đồng cho vay cầm cố tài sản, hợp đồng mua bán xe, hợp đồng cho thuê xe máy – tự lái.

3. Buộc bị cáo Hoàng Văn M phải nộp số tiền 4.208.050đ (Bốn triệu hai trăm lẻ tám nghìn không trăm năm mươi đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Buộc bị cáo Hoàng Văn M phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền 32.751.950 (Ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng). Cụ thể như sau:

4.1 Bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Thái Đ số tiền 3.622.500đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

4.2 Bị cáo phải trả cho anh Đào Khắc Đ số tiền 1.207.500đ (Một triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

4.3 Bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.890.000đ (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

4.4 Bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Triệu C số tiền 690.000đ (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

4.5 Bị cáo phải trả cho anh Thân Bình Th số tiền 2.415.000đ (Hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

4.6 Bị cáo phải trả cho anh Trần Hải Tr số tiền 1.176.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

4.7 Bị cáo phải trả cho anh Trần Tấn T2 số tiền 2.484.000đ (Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

4.8 Bị cáo phải trả cho anh Trần Văn Q số tiền 724.500đ (Bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

4.9 Bị cáo phải trả cho anh Dương Thanh H số tiền 1.035.000đ (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

4.10 Bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Văn T3 số tiền 2.760.000đ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

4.11 Bị cáo phải trả cho chị Bùi Thị V số tiền 690.000 đ (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

4.12 Bị cáo phải trả cho anh Ngô Mạnh Hòa số tiền 1.618.500đ (Một triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

4.13 Bị cáo phải trả cho anh Tô Tiểu T4 số tiền 517.500đ (Năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

4.14 Bị cáo phải trả cho ông Trần Phi P số tiền 2.835.000đ (Hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

4.15 Bị cáo phải trả cho anh Phạm Thái H1 số tiền 5.291.450đ (Năm triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

4.16 Bị cáo phải trả cho chị Đoàn Thị Hồng N số tiền 2.587.500đ (Hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

4.17 Bị cáo phải trả cho chị Trần Thị Minh H2 số tiền 1.207.500đ (Một triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

5. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

5.1 Anh Nguyễn Thái Đ phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

5.2 Anh Đào Khắc Đ phải nộp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

5.3 Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5.4 Anh Nguyễn Triệu C phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5.5 Anh Thân Bình Th phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

5.6 Anh Trần Hải Tr phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

5.7 Anh Trần Tấn T2 phải nộp số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

5.8 Anh Trần Văn Q phải nộp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

5.9 Anh Dương Thanh H phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5.10 Anh Nguyễn Văn T3 phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

5.11 Chị Bùi Thị V phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5.12 Anh Ngô Mạnh Hòa phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

5.13 Anh Tô Tiểu T4 phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

5.14 Anh Trần Phi P phải nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5.15 Anh Phạm Thái H1 phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

5.16 Chị Đoàn Thị Hồng N phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

5.17 Chị Trần Thị Minh H2 phải nộp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

III. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.638.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

V. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hòa có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng